| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 236/2024/DS-ST
Ngày: 22-5-2024
*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Chí

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2023/TLST-DS30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH M, gọi tắt là "VID"; địa chỉ: Tầng B, số H đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số B đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Số B đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị Mai C, sinh năm 1986; địa chỉ: Số E đường N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023, bản tự khai và các lần làm việc tại tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/01/2015, bà Bùi Thị Mai C có ký với Công ty TNHH một thành viên T – gọi tắt là Công ty T (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH một

thành viên S – gọi tắt là Công ty T1) hợp đồng tín dụng, theo đó Công ty cho bà C vay số tiền 104.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 38%/năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ gốc và lãi được trả thành 48 kỳ.

Bà C chỉ thanh toán được cho nguyên đơn đến ngày 05/8/2015 thì ngừng thanh toán. Ngày 05/02/2019 toàn bộ dư nợ của bà C đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 09/9/2022 Công ty T đã ký hợp đồng mua bán nợ để bán khoản nợ trên của bà C cho Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M).

Tính đến thời điểm chuyển nhượng tổng dư nợ còn lại của bà C là 636.833.177 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng, lãi phạt chậm thanh toán 458.596.477 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không thanh toán. Do đó Công ty M khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 642.156.177 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng, lãi phạt chậm thanh toán 458.596.477 đồng, chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ 5.323.000 đồng (gồm chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng).

Ngày 24/01/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải chịu chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng).

Ngày 23/4/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi phạt là 458.596.477 đồng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà C thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 22/5/2024 là 178.236.700 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/5/2024 bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét

xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà C chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng và tiền lãi phạt là 458.596.477 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Do một bên hay các bên đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện do đó Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quyền khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 được ký kết giữa Công ty T (nay đổi tên thành Công ty tài chính S) với Công ty M thì Công ty T đã bán các khoản nợ tín dụng và chuyển giao quyền yêu cầu khởi kiện các khách hàng trong đó có bà Bùi Thị Mai C cho Công ty M. Do đó Hội đồng xét xử xác định Công ty M có quyền khởi kiện bà C theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ còn thiếu là 642.156.177 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng, lãi phạt chậm thanh toán

458.596.477 đồng, chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ 5.323.000 đồng ((gồm chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng)).

Ngày 24/01/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải chịu chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng).

Ngày 23/4/2024 nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi phạt là 458.596.477 đồng.

Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà C phải thanh toán số nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 178.236.700 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 23/01/2015 thể hiện bà Bùi Thị Mai C được Công ty TNHH T cho vay số tiền 104.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 38%/năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ gốc và lãi được trả thành 48 kỳ.

Theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng thì bà C phải thanh toán cho nguyên đơn 48 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 05/02/2015 nhưng bà C chỉ thanh toán đến ngày 05/8/2015 thì ngưng không thanh toán. Như vậy bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 178.236.700 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thời hạn thanh toán: Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 23/5/2024 bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.911.835 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 149, Điều 365 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Bùi Thị Mai C phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền tính đến ngày 22/5/2024 là 178.236.700 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 97.827.900 đồng, nợ lãi quá hạn 80.408.800 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/5/2024 bà Bùi Thị Mai C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng (gồm chi phí giấy tờ là 23.000 đồng; chi phí sao y, chứng thực tài liệu là 200.000 đồng; Chi phí di chuyển là 800.000 đồng; Chi phí nhân sự là 4.300.000 đồng) và tiền lãi phạt là 458.596.477 đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.911.835 đồng bà Bùi Thị Mai C phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH M là 14.843.124 đồng theo biên lai thu số 0012666 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Nhung**